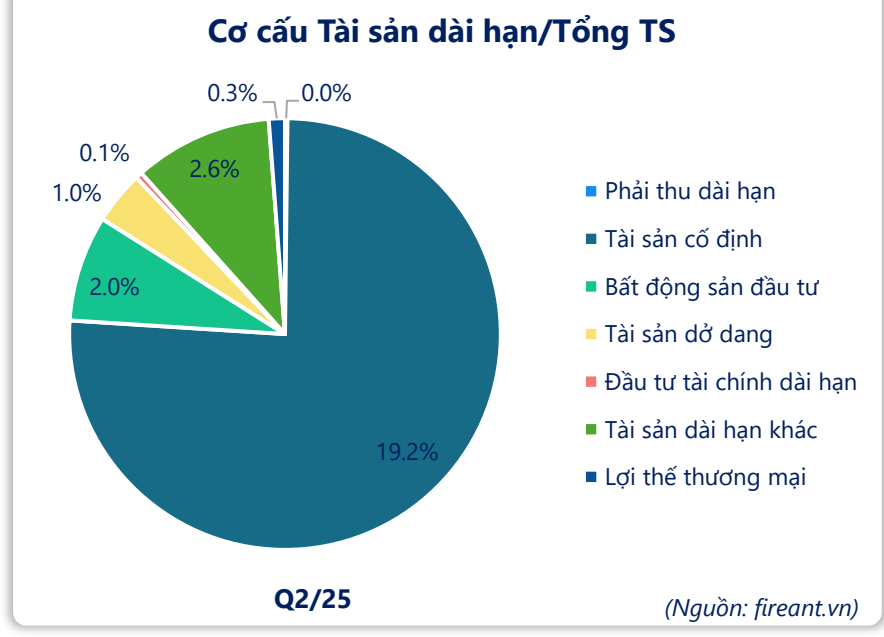
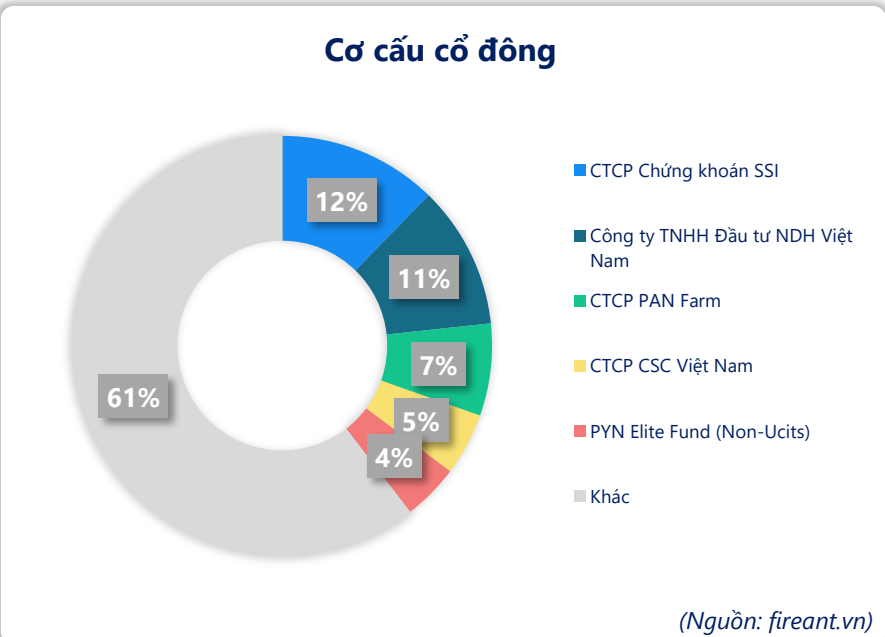
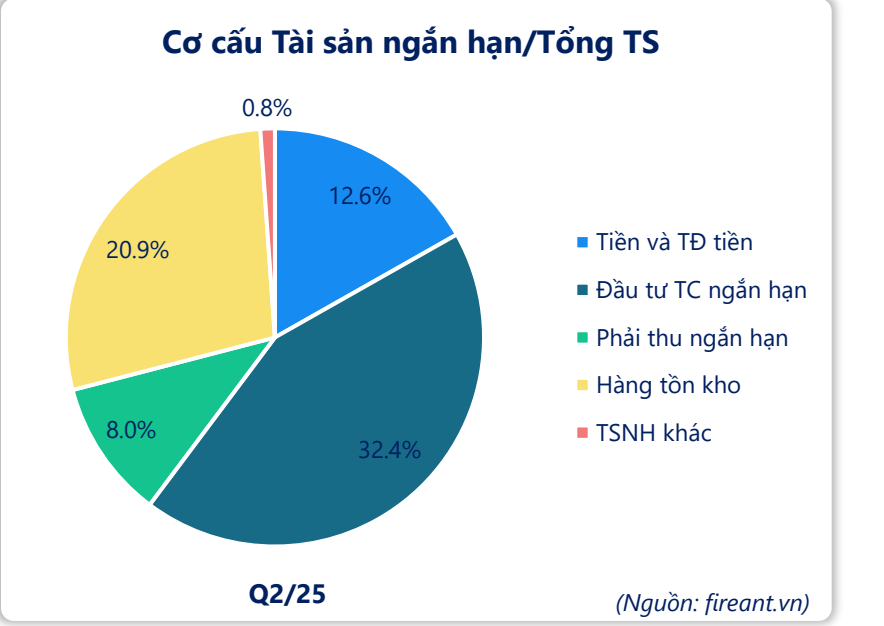
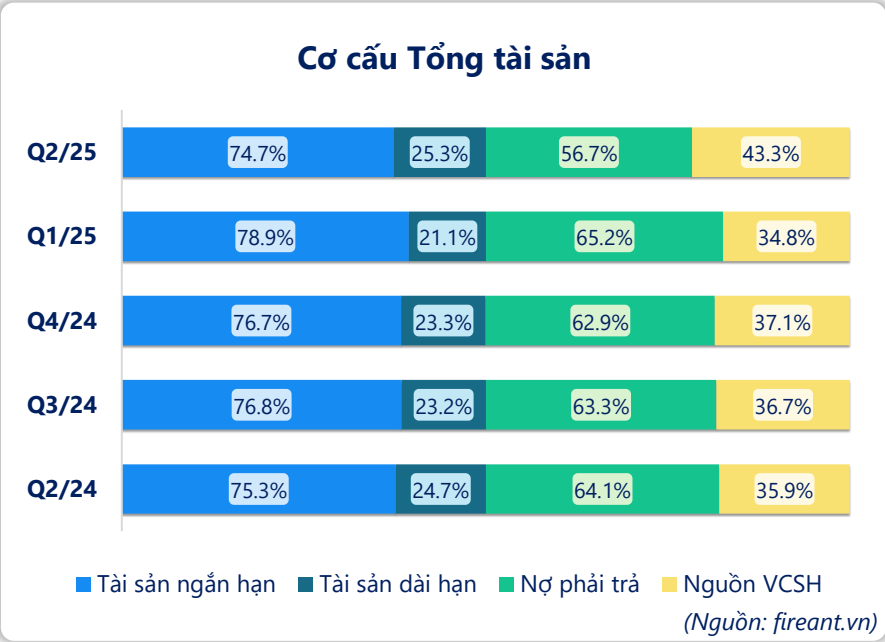
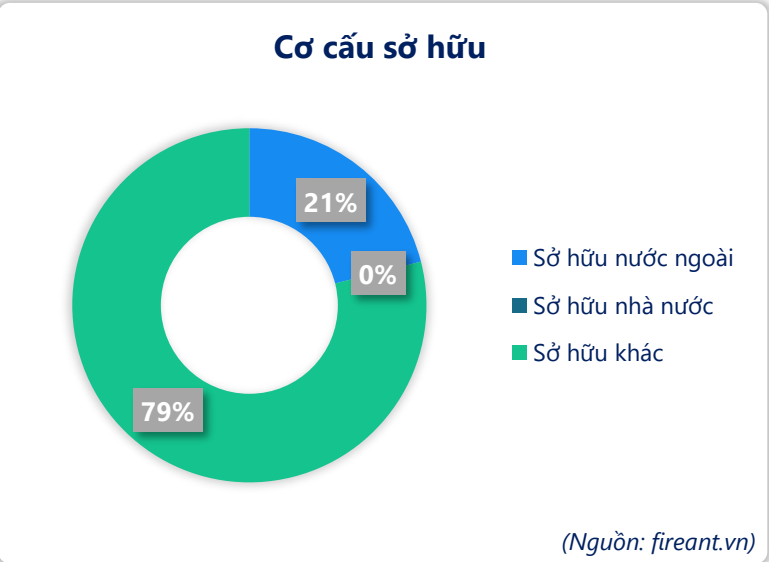
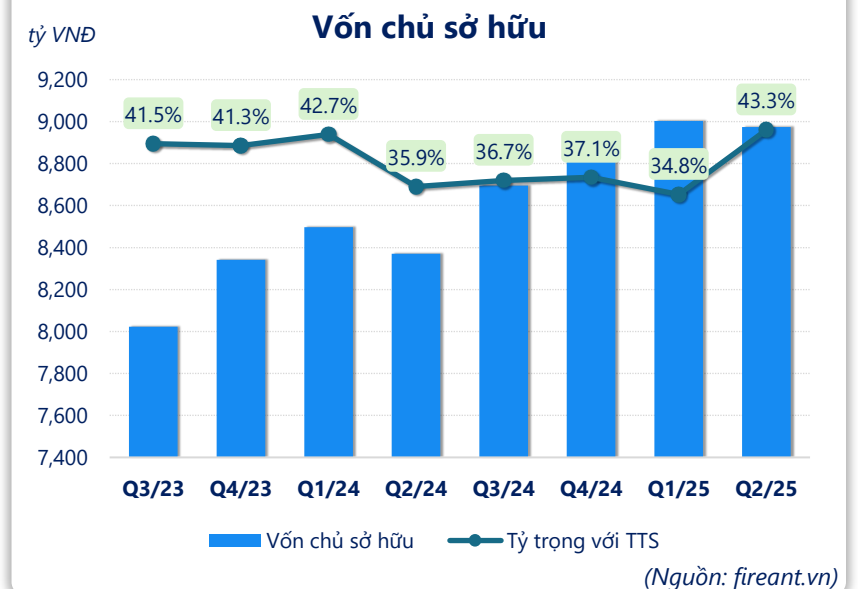
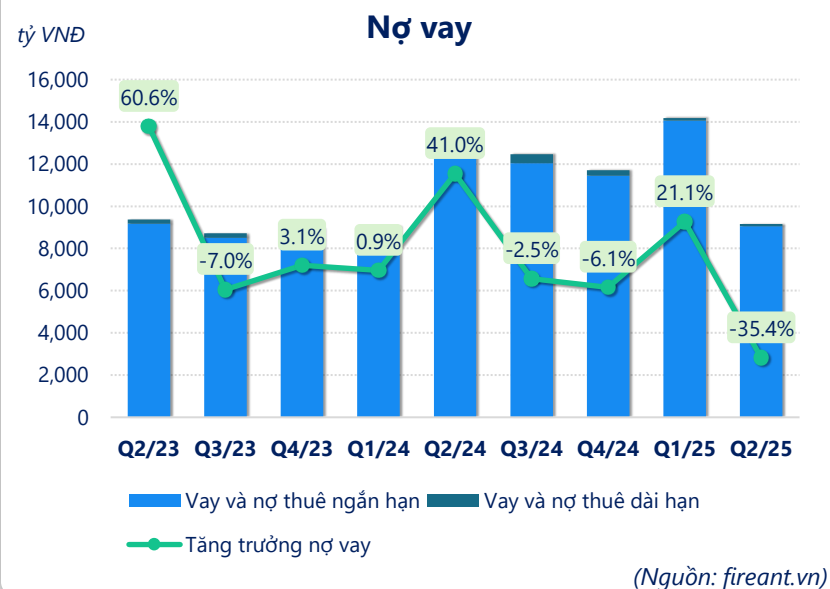
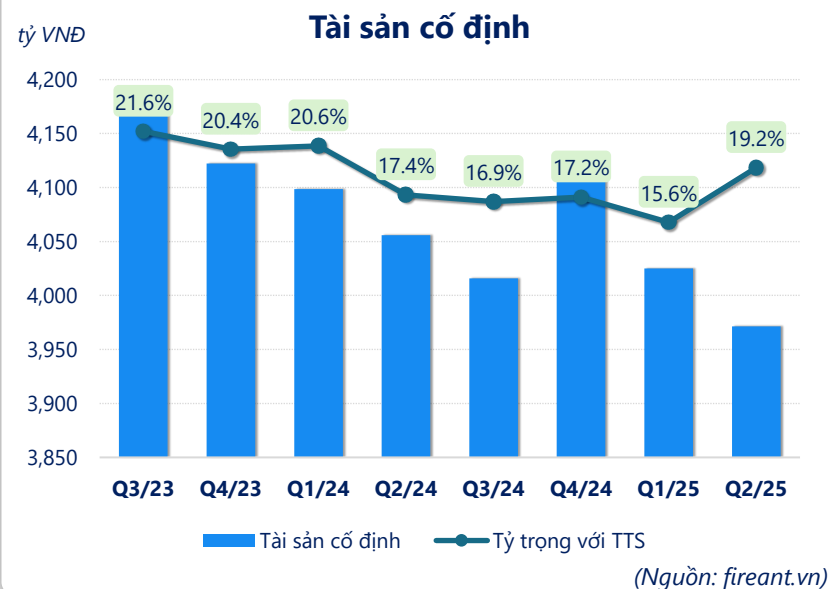
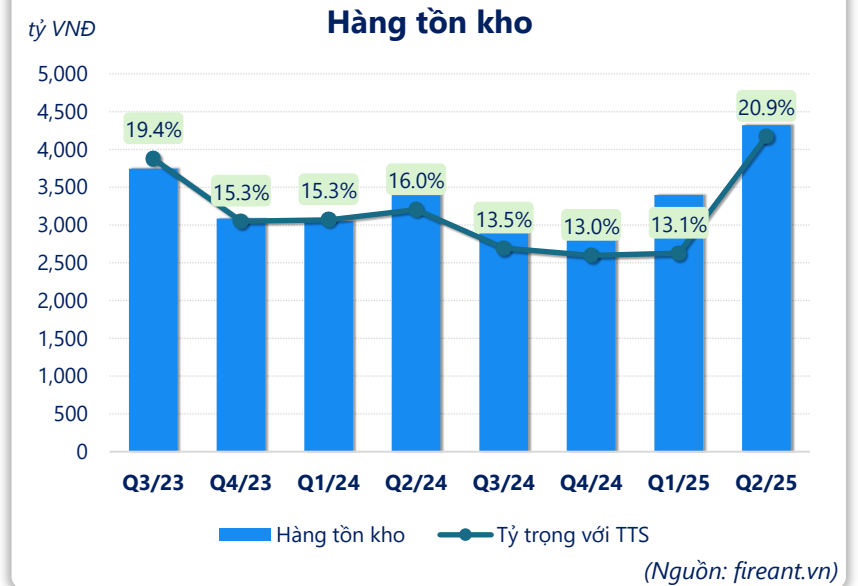
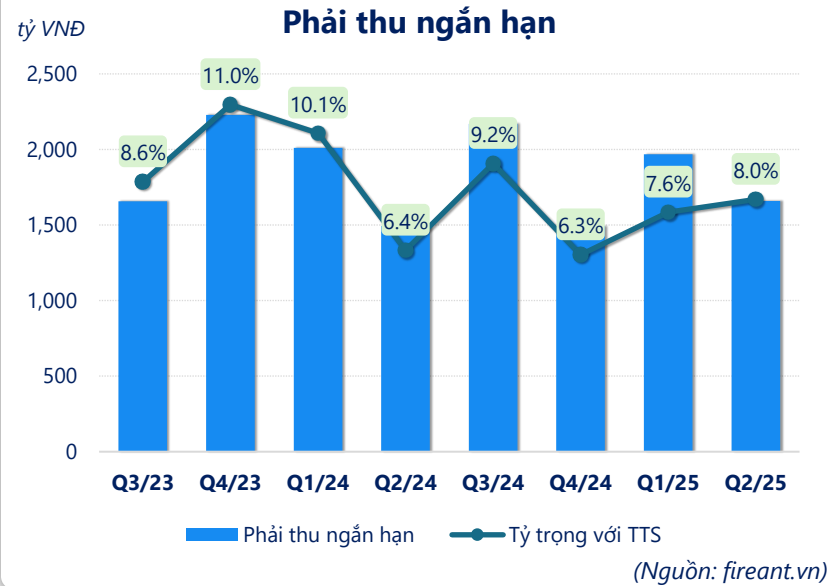
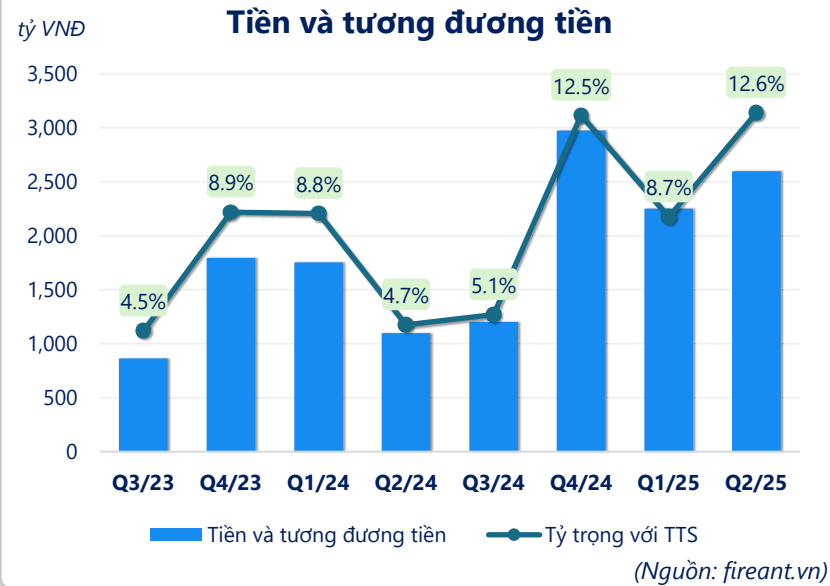
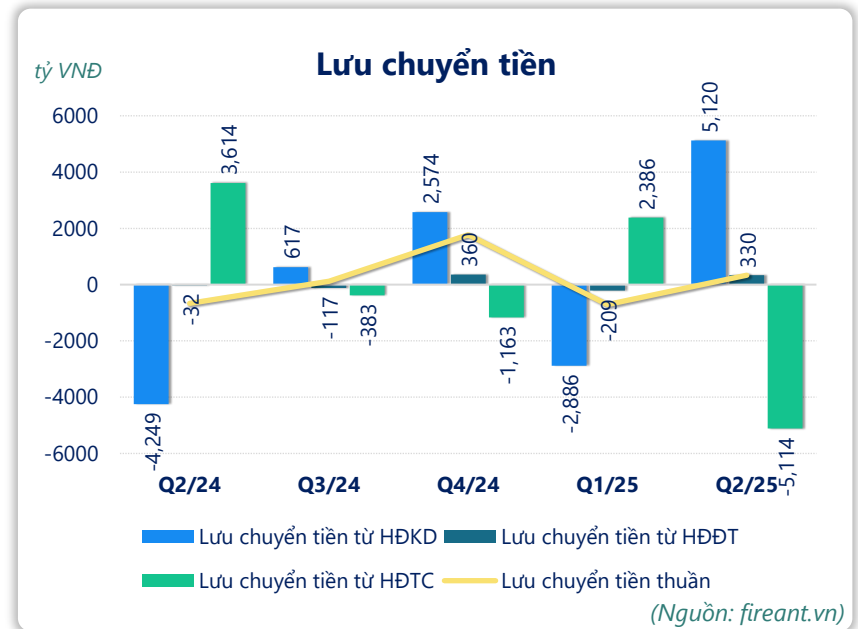
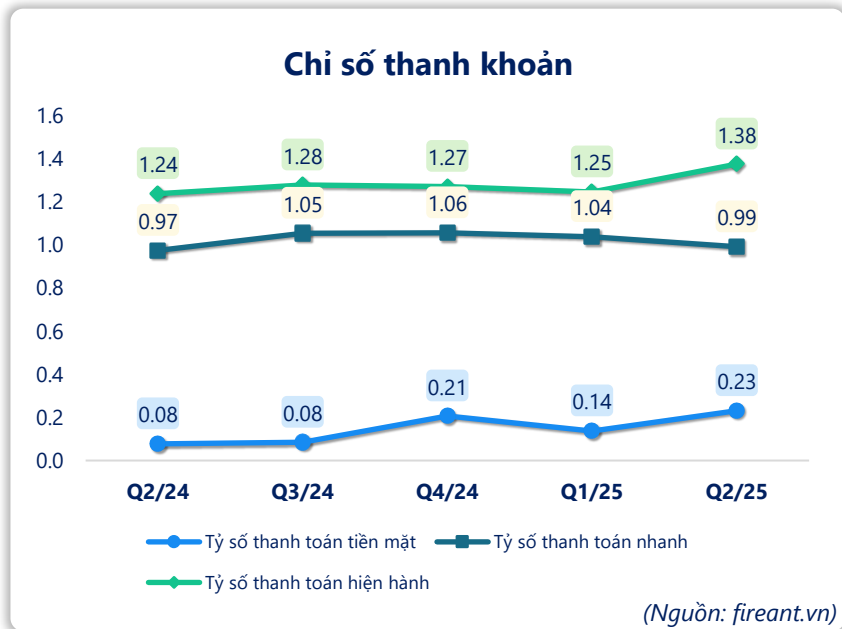
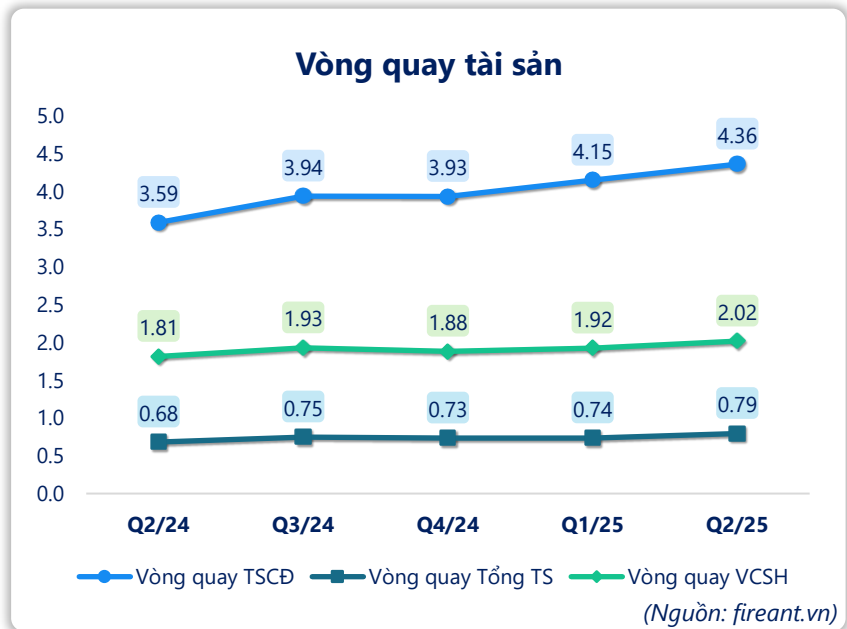
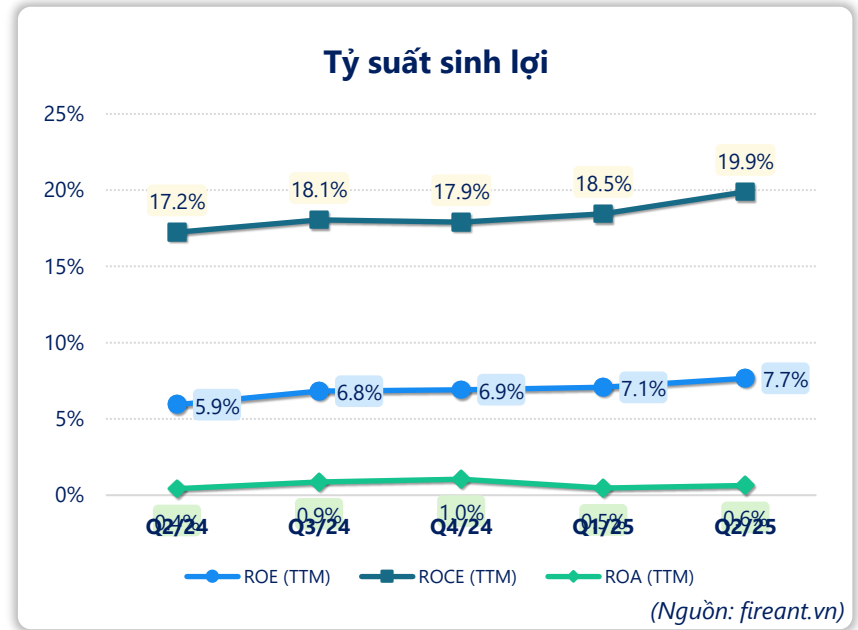
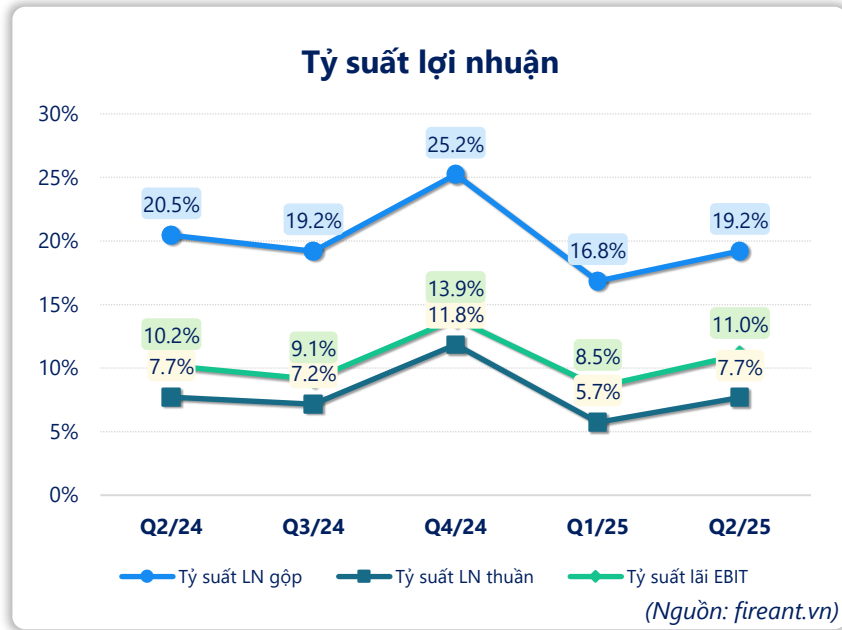
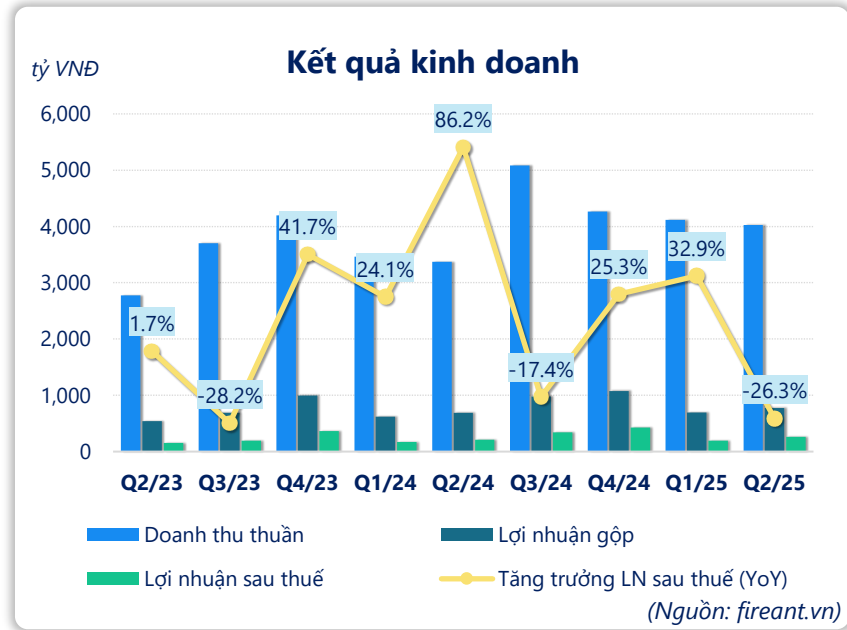


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,299
SL cổ phiếu LH		208,958,750
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,656,801
% sở hữu nước ngoài		21.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,809
P/E		8.7
EPS		3,181

	YTD	1T	3T	6T
PAN	18.5%	0.8%	5.3%	18.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	20,707	23,841	-13.1%
Tài sản ngắn hạn	15,469	18,283	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	2,599	2,959	-12.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,718	10,604	-36.7%
Phải thu ngắn hạn	1,660	1,463	13.4%
Hàng tồn kho	4,319	3,107	39.0%
Tài sản ngắn hạn khác	173	149	16.0%
Tài sản dài hạn	5,237	5,558	-5.8%
Phải thu dài hạn	9.57	8.45	13.2%
Tài sản cố định	3,971	4,101	-3.2%
Bất động sản đầu tư	416	418	-0.4%
Tài sản dở dang	207	181	14.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	226	-88.5%
Tài sản dài hạn khác	544	545	-0.2%
Lợi thế thương mại	63.2	78.6	-19.5%
Nợ phải trả	11,733	14,981	-21.7%
Nợ ngắn hạn	11,244	14,392	-21.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,049	11,493	-21.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	834	524	59.0%
Nợ dài hạn	489	589	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	207	-45.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,974	8,859	1.3%
Vốn chủ sở hữu	8,974	8,859	1.3%
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	3,372	5,084	4,267	4,119	4,027
Giá vốn hàng bán	2,682	4,108	3,190	3,426	3,253
Lợi nhuận gộp	690	976	1,076	694	774
Doanh thu HĐTC	121	154	225	188	213
Chi phí TC	108	243	134	142	176
Chi phí lãi vay	82.7	103	85.8	115	137
LN trong công ty LKLD	2.62	147	0	0	0
Chi phí bán hàng	274	529	420	348	346
Chi phí QLDN	171	142	242	156	156
LN thuần từ HĐKD	260	364	505	236	310
Lợi nhuận khác	0.16	-2.07	0.78	-0.03	-2.40
LN trước thuế	260	361	506	236	307
Lợi nhuận sau thuế	208	344	427	194	264
LNST của CĐ cty mẹ	92.9	187	231	108	139

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4,249	617	2,574	-2,886	5,120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.8	-117	360	-209	330
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,614	-383	-1,163	2,386	-5,114
Tiền đầu kỳ	1,754	1,097	1,203	2,959	2,250
Lưu chuyển tiền thuần	-667	117	1,771	-709	336
Ảnh hưởng tỷ giá	10.2	-10.2	0	0	12.7
Tiền cuối kỳ	1,097	1,203	2,974	2,250	2,599

(Nguồn: fireant.vn)